

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ NÓI CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TIỂU HỌC

ThS. NGUYỄN THỊ KIM OANH
Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Dân tộc

1. Ngôn ngữ nói là một dạng của hoạt động ngôn ngữ. So với ngôn ngữ viết, ngôn ngữ nói là hình thức cổ xưa của ngôn ngữ loài người, bởi lẽ trong lịch sử phát triển, ngôn ngữ nói là cái đi trước, ngôn ngữ viết là cái theo sau. Mặt khác, trong quá trình phát triển của mỗi cá nhân, ngôn ngữ nói được hình thành sớm hơn ngôn ngữ viết của chính họ. Chức năng cơ bản của ngôn ngữ nói là thoả mãn nhu cầu giao tiếp hàng ngày của con người. Trong giáo dục ngôn ngữ ở nhà trường phổ thông, ngôn ngữ nói không chỉ là mục tiêu mà còn là phương tiện dạy - học. Ngôn ngữ nói còn có vai trò không nhỏ trong nhà trường, vì đối với trẻ, ngôn ngữ viết là giai đoạn thứ hai trong sự lĩnh hội ngôn ngữ nói chung.

Với vai trò quan trọng như vậy, xuất phát từ quan điểm dạy tiếng Việt cho học sinh (HS) dân tộc là dạy ngôn ngữ thứ hai và từ thực tế trẻ em dân tộc thiểu số chưa biết hoặc biết ít tiếng Việt trước khi đi học nên việc phát triển ngôn ngữ nói cho HS dân tộc thiểu số cần được quan tâm nghiên cứu.

Ngôn ngữ nói với các đặc điểm như chuyển tải không cần ánh sáng và ít bị ảnh hưởng bởi các điều kiện tự nhiên khác; sinh động, tự nhiên; có trước, đơn giản, sử dụng nhiều hình thức phong phú hơn ngôn ngữ viết và có tính dân chủ, là phương tiện giao tiếp tối ưu và tiết kiệm của con người. Do những đặc điểm trên, khi dạy học một ngôn ngữ (không phải là tiếng mẹ đẻ) thường bắt đầu từ dạy nói. Dạy nói có tác dụng to lớn trong việc học tiếng của trẻ về cả về mặt tâm lí lẫn ngôn ngữ học. Việc dạy các kĩ năng ngôn ngữ nhấn vào kĩ năng nói có những ưu thế như: nhanh chóng tiếp cận với kiến thức để sử dụng ngôn ngữ; phù hợp với lí luận dạy ngôn ngữ thứ hai; tạo được sự tự tin cho HS; dễ dàng rèn khả năng phát âm, khả năng dùng từ, đặt câu cho HS; chuẩn bị tốt cho việc học đọc, học viết.

2. Phát triển ngôn ngữ nói cho HS dân tộc thiểu số ở tiểu học cần đảm bảo yêu cầu về kiến thức và kĩ năng nói tiếng Việt. Chương trình Tiếng Việt quốc gia được chia thành hai giai đoạn. Đối với HS học tiếng Việt như là bản ngữ thì việc chia giai đoạn như vậy là phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và trình độ phát triển ngôn ngữ của các em. Thông thường, trẻ qua các lớp mẫu giáo được chuẩn bị để vào học lớp 1 không thể thiếu phần chuẩn bị về ngôn ngữ. Như vậy, đối với HS

người Kinh, các em được qua các lớp mẫu giáo đầy đủ thì giai đoạn tập trung để chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1 không cần đặt ra. Nhưng đối với trẻ em dân tộc, việc phải có một giai đoạn chuẩn bị là cần thiết. Các yêu cầu về kiến thức kĩ năng nói tiếng Việt:

*** Giai đoạn chuẩn bị vào lớp 1:**

Đây là giai đoạn chuẩn bị vốn ngôn ngữ nói cho trẻ và về nguyên tắc, HS chưa biết chữ, chưa có yêu cầu học chữ.

- Về kiến thức, các từ thông dụng cơ bản (từ ngữ định danh đồ dùng, vật dụng trong đời sống...); vốn từ này được xác định trên cơ sở từ khoá trong sách giáo khoa Tiếng Việt 1 để trẻ có thể dùng luôn vào học lớp 1; kiến thức ghép từ thành phát ngôn ngắn (3 - 5 từ) để chào hỏi, trả lời câu hỏi về đời sống; các lệnh hướng dẫn kĩ năng, thói quen học tập.

- Về kĩ năng, hỏi và trả lời câu hỏi theo mẫu; gọi tên và định danh sự vật; bắt đầu hiểu được các lệnh của giáo viên trong môi trường sư phạm (kĩ năng tạo lập và sử dụng ngôn bản).

*** Giai đoạn lớp 1, 2, 3:**

Với mục đích học được theo chương trình thống nhất, chuẩn vươn tới của HS dân tộc là chuẩn chung, do đó các em cần phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng nói tiếng Việt ở giai đoạn này, cụ thể là:

- Về kiến thức, học thêm từ ngữ mới theo chủ đề, kể cả thành ngữ và tục ngữ; các nghi thức lời nói khi chào hỏi, chia tay, mời, cảm ơn, xin lỗi, yêu cầu, tự giới thiệu. Đối với HS dân tộc, cần nhấn mạnh vào ngôn ngữ nói (có tính chất khẩu ngữ đời thường) và có thể giảm nhẹ về mức độ. Ví dụ, giảm dung lượng của phát ngôn (câu, bài kể có thể ngắn hơn đôi chút; số lượng lượt lời trong hội thoại ít hơn...); có những yêu cầu "mềm" hơn về phát âm, ngữ điệu...

- Về kĩ năng, bao gồm kĩ năng nói trong hội thoại và kĩ năng nói thành bài.

*** Giai đoạn lớp 4, 5:**

Đây là giai đoạn tập trung phát triển các kĩ năng ở mức cao hơn và cung cấp một số kiến thức về từ và câu để sử dụng tiếng Việt có hiệu quả. Yêu cầu về kiến thức của giai đoạn này là: mở rộng vốn từ theo chủ đề; nghĩa đen, nghĩa bóng của từ; từ đồng nghĩa, gần nghĩa, trái nghĩa; hình thành khái niệm sơ giản về câu (câu đơn, câu ghép; câu theo mục đích nói).

Yêu cầu về kĩ năng: tiếp tục phát triển kĩ năng nói



trong hội thoại ở mức cao hơn - giữ đúng vai và biết trình bày đủ nội dung vấn đề khi trò chuyện, tranh luận; tập tành thành, bác bỏ hay bảo vệ ý kiến... Yêu cầu nói thành bài cũng phong phú hơn.

Việc chia làm 3 giai đoạn như trên chỉ là giải pháp tạm thời. Khi giáo dục mầm non phát triển và đáp ứng được nhu cầu chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ trước khi vào lớp 1 thì giai đoạn đầu không cần thiết nữa. Giai đoạn lớp 1, 2, 3 và giai đoạn lớp 4, 5 cũng tùy thuộc vào thiết kế cụ thể của từng chương trình mà đặt ra những yêu cầu về kiến thức, kĩ năng cho phù hợp.

3. Ngoài những yêu cầu về kiến thức, kĩ năng nói tiếng Việt cũng cần lưu ý tới một số ngôn ngữ học đảm bảo cho HS thực hiện và hoàn thiện các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng nói tiếng Việt.

- Về ngữ âm, ở giai đoạn đầu cấp, yêu cầu HS dân tộc phát âm chuẩn, "tròn vành rõ chữ", tuy nhiên cũng cần lưu ý đến "chuẩn mề" trong phát âm phù hợp với ngôn ngữ nói ở địa phương các em sinh sống). Ở giai đoạn cuối cấp, với HS dân tộc, đây là giai đoạn củng cố chuẩn phát âm và chuẩn giọng điệu trên cơ sở các kĩ năng đọc, viết đã phát triển.

- Về từ vựng - ngữ nghĩa, muốn phát triển ngôn ngữ nói thì điều quan trọng cần cung cấp từ ngữ. Việc dạy tiếng Việt cho HS dân tộc bắt đầu dạng nói (kĩ năng nghe, nói) rồi chuyển sang dạng viết (kĩ năng đọc, viết). Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết sử dụng những chất liệu từ ngữ phần nào có đặc điểm khác nhau. Do vậy, cần thiết phát triển vốn từ cơ sở, cơ bản (thường sử dụng ở cả ngôn ngữ nói lẫn ngôn ngữ viết).

Về mặt ngữ nghĩa, cần lưu ý tới hiện tượng đa nghĩa của từ. Theo chúng tôi, với HS dân tộc (nhất là giai đoạn các lớp dưới) chỉ nên lựa chọn nghĩa trực tiếp, nghĩa thông thường, nghĩa đen, nghĩa chính...¹ của từ để cung cấp cho các em.

- Về ngữ pháp, với trẻ dân tộc thiểu số, học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai thì cần thiết phải hình thành những câu chuẩn mực (chủ ngữ - vị ngữ - bổ ngữ, trạng ngữ) bởi học nói tiếng Việt là hình thành một thói quen, vốn câu cung cấp cần phải được kiểm soát, không thể phát triển một cách tự do. Chính vì những lẽ này mà trong ngôn ngữ nói của HS dân tộc, các câu đều bảo đảm đúng nhưng có thể sẽ không được tự nhiên.

- Về nghị thức lời nói, cũng như đối với câu (thiết kế mẫu câu chuẩn), cần cung cấp cho trẻ những nghị thức "nguyên mẫu" hay "tường minh".

4. Trong quá trình nghiên cứu và triển khai dạy

tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số, vấn đề phát triển ngôn ngữ nói đã được Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Dân tộc quan tâm một cách thích đáng và đã đạt được một số kết quả nhất định. Những kết quả này thể hiện cụ thể ở một số nghiên cứu (đề tài, chương trình, dự án) sau đây:

- Chương trình Tiếng Việt trong đề tài *Nghiên cứu Nội dung và phương pháp dạy học tiếng Việt cho HS cấp 1 phổ thông các dân tộc thiểu số trong cải cách giáo dục*.

Quán triệt tinh thần dạy nói tiếng Việt ở thời kì đầu dạy tiếng Việt cho HS dân tộc là con đường tự nhiên, chương trình dành thời lượng đáng kể cho tập nói tiếng Việt. Tập nói tiếng Việt được dạy từ lớp 1 đến hết cấp học. Dạy tập nói tiếng Việt chú trọng vào dạy cả đối thoại và độc thoại. Một trong những ưu điểm nổi bật của việc dạy - học theo chương trình thực nghiệm là kĩ năng hoạt động ngôn ngữ của HS dân tộc thiểu số sớm được hình thành và phát triển vững chắc trong suốt cấp học, giúp cho năng lực đọc, viết phát triển thuận lợi và theo khảo sát luôn trội hơn so với HS đối chứng.

- Chương trình Tiếng Việt trong chương trình *"Phổ cập cấp 1 phổ thông dùng cho vùng dân tộc phát triển giáo dục gặp nhiều khó khăn"* - chương trình quốc gia.

Với việc xác định dạy nói tiếng Việt ở thời kì đầu dạy tiếng Việt cho HS dân tộc là con đường tự nhiên. Tập nói tiếng Việt là một phân môn và được dạy từ lớp 1 đến hết cấp học. Tập nói tiếng Việt nhằm trang bị cho HS một vốn từ, câu tiếng Việt thông dụng để HS có thể sử dụng được chúng trong giao tiếp, làm cơ sở cho học đọc, học viết. Dạy nói tiếng Việt là cung cấp cho HS một vốn từ có tần số sử dụng cao trong cuộc sống (dùng nhiều, thường hay gặp), cung cấp những câu và dạng câu hỏi kèm theo nó.

Chương trình được đưa vào dạy thực nghiệm ở tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là tỉnh Yên Bái và tỉnh Lào Cai), tỉnh Quảng Ninh và đưa vào áp dụng đại trà từ khoảng những năm 1987 - 1988 cho hầu hết các tỉnh có HS dân tộc thiểu số và dừng thực hiện khi áp dụng chương trình tiểu học mới vào năm 2001. Sau thời gian thực nghiệm và áp dụng đại trà, chương trình môn Tiếng Việt nói chung, phân môn Tập nói tiếng Việt nói riêng tỏ ra khá phù hợp, đặc biệt là phân môn Tập nói tiếng Việt. Để minh chứng cho điều này, có thể nêu nhận xét trong báo cáo của Trường PTCS Sín Chéng: *"Qua phân môn Tập nói tiếng Việt, HS hiểu được tiếng nói và hứng thú đi học hơn, tạo cho các em phong thái không sợ sệt và tiếp thu môn khác tốt hơn. Đặc biệt, phụ huynh HS thấy con em mình đi học sớm nói được tiếng phổ thông nên tích cực cho con em đi học"*. Phân môn Tập nói tiếng Việt trong chương trình này vẫn

¹Theo cách phân loại các kiểu ý nghĩa của từ đa nghĩa của tác giả Nguyễn Thiện Giáp trong "Dẫn luận ngôn ngữ học", NXB Giáo dục, 1998, tr. 89.

còn phát huy tác dụng trong giai đoạn đầu triển khai chương trình tiểu học mới ở vùng dân tộc thiểu số khi nhiều địa phương sử dụng để dạy HS lớp 1 trong những tuần đầu đến trường trước khi dạy học theo SGK Tiếng Việt mới.

- Nghiên cứu vận dụng chương trình SGK tiểu học 2000 vào vùng dân tộc thiểu số.

Các đề tài nghiên cứu về vấn đề này đã đưa ra những định hướng vận dụng và được cụ thể hóa trong nội dung tài liệu hỗ trợ cho dạy học Tiếng Việt theo chương trình tiểu học mới. Đó là nội dung dạy nghe nói tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 trong tài liệu Hướng dẫn dạy tập nói tiếng Việt cho HS dân tộc và nội dung tăng cường tiếng Việt trong tài liệu Hướng dẫn tăng cường tiếng Việt trong các môn học ở tiểu học (lớp 1). Những tài liệu này đã được đưa vào tập huấn GV và giúp giáo dục tiểu học ở vùng dân tộc thiểu số phần nào khắc phục khó khăn trong những ngày đầu triển khai chương trình tiểu học mới.

- Chương trình chuyển ngữ Jrai – Việt.

Với hình thức dạy tiếng dân tộc (Jrai) như một chuyển ngữ, chương trình được thiết kế làm 2 giai đoạn chính với sự phân công ngôn ngữ dạy học là tiếng Jrai và tiếng Việt, cụ thể: giai đoạn 1, tiếng Jrai là ngôn ngữ dạy học (đồng thời được dạy như một môn học), tiếng Việt được dạy như bộ môn; giai đoạn 2, tiếng Việt chuyển sang làm nhiệm vụ ngôn ngữ dạy học (đồng thời được dạy như một môn học), tiếng Jrai được dạy như một môn học.

Chương trình môn Tiếng Việt cũng được thiết kế theo 2 giai đoạn, giai đoạn đầu gồm các lớp 1, 2, 3; giai đoạn 2 gồm các lớp 4, 5. Chương trình dành một học kì lớp 1 để dạy tập nói tiếng Việt nhằm cung cấp cho HS vốn ngôn ngữ nói tối thiểu để phục vụ cho việc dạy học Tiếng Việt và giao tiếp thông thường. Nội dung dạy âm vần tiếng Việt được thiết kế thành các bài học phù hợp, trên nguyên tắc tận dụng được những âm chữ giống nhau hoàn toàn đã học trong tiếng Jrai; có các phương pháp khác nhau để dạy các âm thuộc nhóm giống âm, khác chữ và nhóm khác âm, giống chữ nhằm khắc phục các lỗi phát âm và lỗi chính tả tiếng Việt do ảnh hưởng của tiếng Jrai.

Trong hơn 5 năm triển khai thực nghiệm, chương trình đã thu được kết quả tốt. HS Jrai học hết chương trình đã học lên trung học cơ sở với một trình độ vững vàng về tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ.

- Chương trình Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ (GDSN TCS TMD).

Chương trình GDSN TCS TMD được triển khai thí điểm tại tỉnh Lào Cai với tiếng Mông, tỉnh Gia Lai với

tiếng Jrai và tỉnh Trà Vinh với tiếng Khmer. Chương trình môn Tiếng Việt trong chương trình GDSN TCS TMD tuân thủ quan điểm: Dạy học ngôn ngữ thứ hai cần được theo con đường tự nhiên của việc tiếp thu một ngôn ngữ, tức là tuân theo các giai đoạn phát triển ngôn ngữ một cách tự nhiên: Nghe, nói trước, sau đó mới đọc và viết; lấy ngôn ngữ nói và ngôn ngữ trong giao tiếp làm điểm tựa vững chắc cho học tiếng. Theo đó, thiết lập tốt môi trường giao tiếp tự nhiên trong dạy và học cả 2 ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ); việc rèn ngôn ngữ nói và khả năng giao tiếp cho HS dân tộc thiểu số ở tất cả các lớp của cấp tiểu học.

Trong cấu trúc nội dung, với quan điểm tự nhiên của quá trình dạy tiếng, kế thừa kĩ năng nghe, nói được phát triển ở mầm non, chương trình dành 2 năm đầu tiểu học cho dạy nghe, nói và tiền đọc, tiền viết tiếng Việt. Nội dung môn Tiếng Việt trong GDSN TCS TMD được cấu trúc theo hệ thống các chủ điểm phù hợp với quan điểm dạy giao tiếp, với đặc điểm tâm lí HS tiểu học và các hoạt động phát triển các kĩ năng nghe, nói tiếng Việt cho HS. Nội dung dạy học được thiết kế theo các đơn vị học (bài học) thuộc các chủ điểm khác nhau. Nội dung các chủ điểm có sự liên thông với các môn học có nội dung dạy học gắn gũi với môn Tiếng Việt. Theo từng chủ điểm, HS được mở rộng vốn từ, thực hành sử dụng các mẫu câu trong giao tiếp, đồng thời mở mang sự hiểu biết về các lĩnh vực của đời sống.

Đến lớp 3, chương trình bắt đầu phát triển cả bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Nội dung chương trình được cấu trúc theo hai trục: 1/ Trục chủ điểm giao tiếp: tiếp tục các chủ điểm ở lớp 1, 2 và mở rộng các chủ điểm này (danh nhân đất nước, gương sáng cộng đồng, các vùng miền đất nước, cuộc sống bình yên...); 2/ Trục kĩ năng: đọc, viết, nghe, nói (bắt đầu từ lớp 4, nội dung được thiết kế theo các phân môn Tập đọc, Kể chuyện, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn).

Với cấu trúc nội dung chú trọng nguyên tắc trở về với tự nhiên trong dạy và khai thác tiếng (cả tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ 2 – tiếng Việt), quá trình học tiếng Việt của HS không gây nhiều ngỡ ngàng vì các em đã được trải nghiệm ở những năm trước đó, khi học tiếng mẹ đẻ. Do vậy, tiến trình học tiếng Việt sẽ đi nhanh và có điều kiện đi sâu hơn.

Qua 3 năm thực hiện thí điểm GDSN TCS TMD, môn Tiếng Việt đã bước đầu khẳng định được vị thế và hướng đi đúng đắn. Những kết quả bước đầu đã tạo được niềm tin cho giáo viên, HS và cộng đồng về một chương trình học tập phù hợp, có chất lượng cho HS dân tộc thiểu số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Cao Cương, *Chuẩn bị hành trang ngôn ngữ cho trẻ vào lớp 1 chương trình mới*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 6/2003.
2. Nguyễn Quang Ninh, *Một số vấn đề về dạy ngôn ngữ nói và viết ở tiểu học theo hướng giao tiếp*, 1998.
3. Nguyễn Thị Kim Oanh, *Phát triển ngôn ngữ nói ở tiểu học vùng dân tộc thiểu số (Luận văn thạc sĩ)*, 2004.
4. Mông Ký Slay, *Dạy nói tiếng Việt ở giai đoạn đầu của việc dạy tiếng Việt cho HSĐT*, Nội san Nghiên cứu Giáo dục dân tộc, chuyên đề Tiếng Việt trong nhà trường phổ thông cấp 1 vùng dân tộc, 1990.
5. Nguyễn Thị Phương Thảo, *Giải pháp dạy tiếng Việt trong chương trình Giáo dục song ngữ trên cơ sở*

tiếng mẹ đẻ, Tạp chí KHGD, chuyên đề Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ, 2008.

6. Unicef - Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ*, Hà Nội, 2008.

SUMMARY

The article has mentioned the development of oral language for ethnic minority students at primary level. According to the author, development of oral language for ethnic minority students at primary level should satisfy requirements regarding knowledge, skills for spoken Vietnamese and call for attention to linguistic functions such as phonetics, vocabulary, grammar...

TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC NGHỀ... (Tiếp theo trang 36)

Đặc trưng cơ bản của quá trình dạy học NPT ở trung tâm KTTH-HN là song song với việc dạy lí thuyết cần dành phần lớn thời gian cho học sinh học thực hành nghề. Hiện nay, chương trình quy định tỉ lệ lí thuyết/ thực hành là 1/2, tức là 1 giờ lí thuyết cần 2 giờ thực hành. Từ đó, yêu cầu giáo viên dạy nghề phải chú ý truyền đạt cho học sinh những tri thức có tính chất ứng dụng. Ngược lại, dạy thực hành NPT cũng có tác dụng ảnh hưởng trở lại đối với học sinh trong việc tiếp thu những tri thức trong các giờ lí thuyết. Khi dạy nghề, giáo viên cần phải chú ý tới thao tác thực hành của học sinh, lưu ý tới mối liên hệ giữa tri thức đã học và thực tiễn trong thời điểm dạy học nghề. Cần chú ý đến mối liên hệ giữa mục đích, nội dung, chương trình, phương pháp trong quá trình dạy học NPT.

Trong quá trình giáo dục NPT, chú ý không được đặt ra yêu cầu quá cao hoặc quá thấp đối với học sinh. Dựa trên kiến thức kĩ thuật học sinh học được ở trường phổ thông mà đặt ra yêu cầu sao cho thích hợp. Điều đó sẽ tạo được hứng thú học tập của học sinh vì các em cảm thấy vừa sức, tự tin để thực hiện bài thực hành với vốn kiến thức, kĩ năng đã có ở trường phổ thông.

Trong quá trình giáo dục NPT, phải xem xét đồng thời việc dạy của thầy như là sự truyền thụ tri thức, kĩ năng nghề nghiệp và hoạt động tích cực, tự giác của học sinh trong mối quan hệ qua lại giữa thầy - người hướng dẫn, chỉ đạo, giúp đỡ và trò - người tiếp thu, tự lực, tự giác làm bài.

4. Kết luận

Giáo dục NPT chính là một trong những con đường để giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông. Hoạt động giáo dục NPT sẽ trang bị kiến thức, kĩ năng ban đầu về nghề tạo điều kiện và tâm thế cho một bộ phận HS trực tiếp vào học ở các cơ sở giáo

dục nghề nghiệp theo hướng phân luồng sau trung học mà Nhà nước đã vạch ra. Qua học NPT, học sinh có điều kiện tiếp cận với một số ngành nghề chủ yếu của địa phương, đất nước, kích thích các em tìm hiểu nghề, hiểu rõ tầm quan trọng của nghề, xu hướng phát triển nghề. Trên cơ sở đó HS thấy được những đòi hỏi của nghề đối với người lao động về phẩm chất và năng lực. Từ đó các em có ý thức chủ động lựa chọn nghề và định hướng học tập cho phù hợp với thực tế của thị trường lao động và quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011-2020.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Danh Ánh, *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2010.
2. Bộ GD&ĐT, *Quyết định ban hành chương trình giáo dục trung học (bao gồm cả chương trình giáo dục nghề phổ thông)*, Hà Nội, 2006.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, Hà Nội, 2011.
4. Phạm Văn Sơn, *Nghiên cứu phát triển danh mục nghề phổ thông phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp theo định hướng phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, Đề tài KHCN cấp cơ sở, mã số: C2011-3910, Hà Nội, 2011.

SUMMARY

TVET education is one of the four (4) modalities to deliver career orientation education for school students. To ensure the TVET education can meet the pre-defined objectives, it is important to strengthen general occupation education and entail that each and every TEVT managers and teachers understand concepts, objectives, tasks and contents of general occupation education.